

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 354/TTr-STNMT ngày 25 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc thu hồi đất trong trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 51 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk như sau:

1. Thu hồi đất trong trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng.

2. Thu hồi đất đối với trường hợp thuê đất, thuê lại đất của chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trước ngày 03 tháng 3 năm 2017 mà bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng 36 tháng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất hoặc quá thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi là Giấy chứng nhận) đối với trường hợp các bên không có giao kết về tiến độ đưa đất vào sử dụng trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất mà không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng.

3. Việc thu hồi đất quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

2. Bên thuê đất, thuê lại đất của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng trước ngày 03 tháng 3 năm 2017 (ngày Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà:

a) Không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng 36 tháng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất.

b) Quá thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp các bên không có giao kết về tiến độ đưa đất vào sử dụng trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất mà không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Không đưa đất vào sử dụng* là bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng quá thời hạn so với thời hạn đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng.

2. *Chậm tiến độ sử dụng đất* là bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng.

Điều 4. Trách nhiệm của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề

1. Rà soát, lập danh sách các trường hợp thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề, trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP:

a) Tổ chức kiểm tra bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề;

b) Lập văn bản yêu cầu bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện các biện pháp để đưa đất vào sử dụng; nội dung văn bản phải xác định cụ thể diện tích, tiến độ sử dụng đất có ký xác nhận của bên thuê đất, thuê lại đất hoặc có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê đất, thuê lại đất;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày kiểm tra, thanh tra xác định hành vi không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất; doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm lập danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường. Các cơ quan nhận được báo cáo và doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trong thời gian 15 ngày làm việc có trách nhiệm công bố công khai danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề đã thực hiện các quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 4 của Quyết định này mà bên thuê đất, thuê lại đất vẫn không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất thì doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phần hồ sơ gồm:

a) Báo cáo kèm theo danh sách các trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất;

b) Văn bản yêu cầu bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện các biện pháp để đưa đất vào sử dụng giữa doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề với bên thuê đất, thuê lại đất;

c) Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính diện tích đất không đưa vào sử dụng: 01 bản sao.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất

1. Hồ sơ thu hồi đất: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày báo cáo kiểm tra hoặc kết luận thanh tra xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai của bên thuê đất, thuê lại đất; doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi đất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, thành phần hồ sơ gồm:

a) Báo cáo kiểm tra hoặc kết luận thanh tra xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai của bên thuê đất, thuê lại đất kèm theo Biên bản làm việc xác định hành vi vi phạm: 01 bản sao;

b) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);

c) Báo cáo của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề kèm theo danh sách bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất: 01 bản chính;

d) Văn bản yêu cầu bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện các biện pháp để đưa đất vào sử dụng giữa doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề với bên thuê đất, thuê lại đất: 01 bản sao;

đ) Giấy chứng nhận: 01 bản gốc nếu có;

e) Hợp đồng cho thuê đất, thuê lại đất: 01 bản sao;

g) Trích lục bản đồ địa chính hoặc Trích đo bản đồ địa chính thửa đất: 05 bản chính.

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất

a) Tờ trình đề nghị thu hồi đất do Sở Tài nguyên và Môi trường lập kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này;

3. Trình tự và thời gian giải quyết

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình; Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định thu hồi đất của bên thuê đất, thuê lại đất giao cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề quản lý, xây dựng phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Việc xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan giữa chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề và bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 6. Trình tự, thủ tục thu hồi đất đối với trường hợp thuê đất, thuê lại đất trước ngày 03 tháng 3 năm 2017

1. Hồ sơ thu hồi đất: Trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất của chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trước ngày 03 tháng 3 năm 2017 (ngày Nghị định số 01/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành), trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng 36 tháng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất hoặc quá thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp các bên không có giao kết về tiến độ đưa đất vào sử dụng trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất mà không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi đất gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, thành phần hồ sơ gồm:

a) Báo cáo của doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề kèm theo danh sách các trường hợp thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng 36 tháng so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất hoặc quá thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp các bên không có giao kết về tiến độ đưa đất vào sử dụng trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất mà không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm đưa đất vào sử dụng: 01 bản chính;

b) Biên bản làm việc xác định hành vi vi phạm pháp luật về đất đai: 01 bản sao;

c) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);

d) Giấy chứng nhận: 01 bản gốc nếu có;

đ) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: 01 bản sao;

e) Hợp đồng cho thuê đất, thuê lại đất: 01 bản sao;

g) Trích lục bản đồ địa chính hoặc Trích đo bản đồ địa chính thửa đất: 05 bản chính.

2. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất

a) Tờ trình đề nghị thu hồi đất do Sở Tài nguyên và Môi trường lập kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này;

3. Trình tự và thời gian giải quyết

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Tài nguyên và Môi trường trình; Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định thu hồi đất của bên thuê đất, thuê lại đất giao cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề.

4. Việc xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan giữa chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề và bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra các trường hợp không đưa đất, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề;

b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất giao cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quyết định này;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho bên thuê đất, thuê lại đất theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Xây dựng: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc kiểm tra, thanh tra các trường hợp không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh.

3. Cục thuế tỉnh có trách nhiệm xem xét, truy thu nghĩa vụ tài chính của bên thuê đất, thuê lại đất, xác định hành vi vi phạm pháp luật và xử lý hành vi vi phạm pháp luật (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Buôn Hồ, thành phố Buôn Ma Thuột,

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) đối với trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn địa phương mình quản lý;

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, thanh tra đối với trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn địa phương mình quản lý.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Tăng cường công tác kiểm tra, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đối với trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn địa phương mình quản lý;

b) Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, thanh tra đối với trường hợp bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn địa phương mình quản lý.

6. Doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng

a) Thông báo Hợp đồng thuê đất giữa doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề với bên thuê đất, thuê lại đất hết hiệu lực sau khi Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành;

b) Quản lý chặt chẽ quỹ đất thu hồi giao cho doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng quản lý, xây dựng phương án cho thuê đất, thuê lại đất nhằm đưa đất đai vào sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm;

c) Khi ký hợp đồng thuê đất, cho thuê lại đất phải xác định cụ thể tiến độ sử dụng đất tương ứng với tiến độ thực hiện dự án đầu tư và biện pháp xử lý nếu bên thuê đất, thuê lại đất không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng theo quy định tại điểm 5 khoản 36 Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; có trách nhiệm kiểm tra, theo dõi, đôn đốc bên thuê đất, thuê lại đất đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ đã giao kết trong hợp đồng;

d) Xem xét, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của bên thuê đất, thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư mà không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ sử dụng đất đã giao kết trong hợp đồng thuê đất, thuê lại đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng

nghe với doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật;

đ) Hằng năm, có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Quản lý đất đai và công bố công khai diện tích đất chưa cho thuê, cho thuê lại trong khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp;

e) Xử lý quyền và nghĩa vụ có liên quan với bên thuê đất, thuê lại đất theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 8. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 8 năm 2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành thuộc tỉnh; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Trưởng Ban quản lý cụm công nghiệp; Giám đốc doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp, làng nghề kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận: *lu*

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, TNMT, KHĐT, XD, TC,CT;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đài PTTH Đắk Lắk; Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm TT Công báo tỉnh;
- Như Điều 8;
- CVP, Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT, NN&MT.

Tg 50

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị